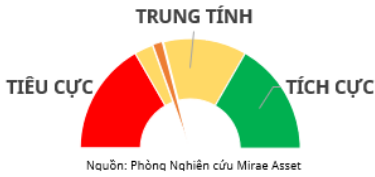


13 Tháng 06, 2025

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

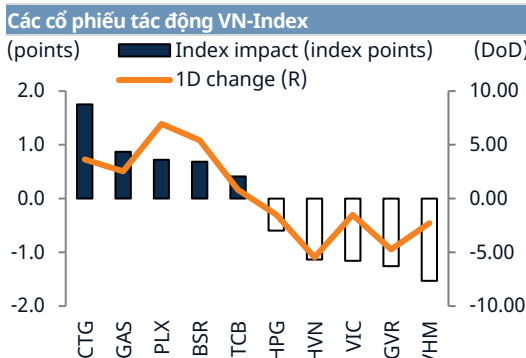
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,315.49	-0.6	1.7	1.1
HNX	224.82	-1.3	3.2	-9.5
UPCOM	97.54	-0.6	3.2	-1.5
MSCI EM	1,202.74	-0.5	4.0	11.8
NIKKEI	37,834.25	-0.9	-0.9	-2.3
HANG SENG	23,892.56	-0.6	3.4	31.9
KOSPI	2,894.62	-0.9	11.0	5.1
FTSE	8,856.34	-0.3	2.9	8.5
S&P 500	6,045.26	0.4	2.7	11.3
NASDAQ	19,662.48	0.2	3.4	11.3

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.4	1.6	12.9
Indonesia	16.9	1.9	12.3
Philippines	11.1	1.4	12.2
Malaysia	14.1	1.4	10.0
Thái Lan	13.7	1.1	6.8

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	4.5	0	0	0
TPCP 5 năm	2.5	1	9	55
TPCP 10 năm	3.2	0	8	36

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	26,072	0.2	0.4	2.5
US\$/KRW	1,367.1	0.8	-3.5	-0.5
US\$/JPY	143.69	0.2	-2.6	-8.5
US\$/EUR	0.8663	0.3	-3.1	-7.0
US\$/GBP	0.7371	0.3	-1.9	-5.9
US\$/SGD	1.2820	0.2	-1.5	-5.1

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	1,041	756	627
HNX	108	55	40
UPCOM	33	20	26



Nhận định thị trường

Mâu thuẫn Trung Đông, dầu khí dẫn sóng

Dưới ảnh hưởng căng thẳng Trung Đông, thị trường tài chính toàn cầu đổ lửa. VN-Index mở cửa gap giảm, chịu áp lực bán xuyên suốt phiên trước khi hồi nhẹ vào cuối phiên nhờ lực cầu bắt đáy. Kết phiên, VN-Index dừng tại 1.315 điểm, giảm 7,50 điểm (-0,57%). Thanh khoản vượt trội trên mức trung bình 20 phiên, với khối lượng khớp lệnh trên HOSE đạt 1.163 triệu cổ phiếu, tương đương gần 26.041 tỷ đồng giá trị.

Giá dầu tăng vọt trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị đã tạo lực đẩy mạnh cho nhóm cổ phiếu dầu khí, giúp các mã như PVC, PLX, OIL, ... bứt phá, đóng góp tích cực vào VN-Index. Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 69 mã tăng, 263 mã giảm và 35 mã đứng giá. Ở chiều nâng đỡ, CTG (+1,74 điểm), GAS (+0,87 điểm) và PLX (+0,72 điểm) hỗ trợ chỉ số, trong khi áp lực điều chỉnh chủ yếu đến từ VHM (-1,52 điểm) và GVR (-1,25 điểm).

Đáng chú ý, khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị 97 tỷ đồng. Dòng tiền mua vào chủ yếu hướng tới CTG (+131 tỷ đồng), NVL (+66 tỷ đồng) và VPB (+55 tỷ đồng). Ngược lại, áp lực bán ròng tập trung tại VIX (-77 tỷ đồng), FPT (-60 tỷ đồng) và SHB (-56 tỷ đồng).

Điểm số kỹ thuật của chúng tôi duy trì ở mức -2 điểm, trạng thái đánh giá trong ngắn hạn là TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index ở mức 13.4x.

Huỳnh Thị Thu Thảo, Analyst, 84-8-39102222, thao.htt@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-1	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	4	KHẢ QUAN
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

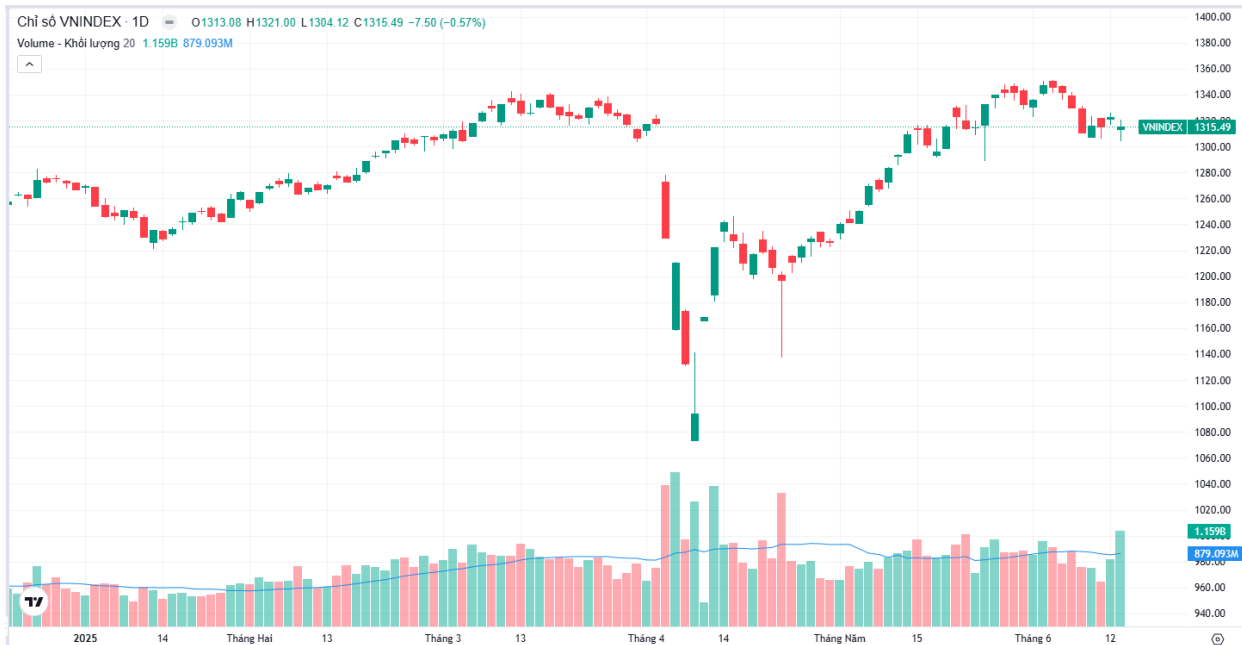
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-1	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (13/06/2025)	Kháng cự 1	1.324
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.340
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.300
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.280

VN-Index giữ vững hỗ trợ 1.300 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

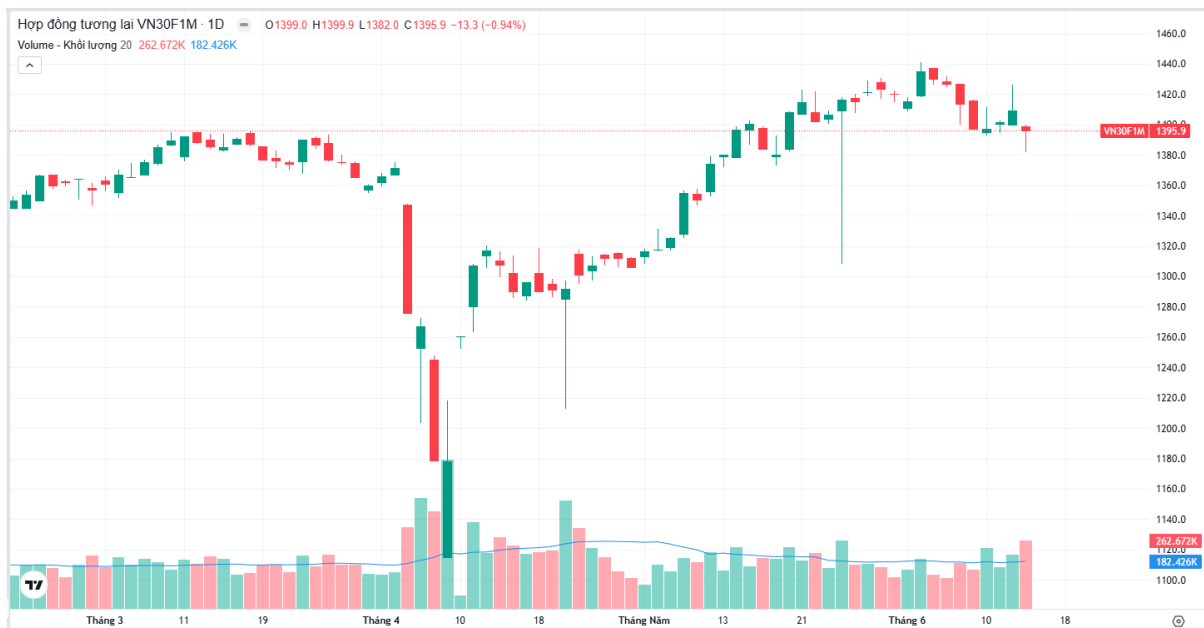
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (13/06/2025)	1.395	Kháng cự 1 1.410
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.435
VN30 - đóng cửa	1.401	Hỗ trợ 1 1.390
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-5,30	Hỗ trợ 2 1.370

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-1	TRUNG TÍNH

VN30F1M rút chân cuối phiên, thanh khoản cao nhất tuần.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: freant.com

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
PVT	Vận tải Thủy	23,800	2,760,235	91	5	
TCB	Ngân hàng	31,200	20,130,480	94	4	Top sức mạnh ngành
STB	Ngân hàng	44,900	12,110,440	88	6	Top sức mạnh ngành
CSV	Hóa chất	36,500	1,691,200	97	5	
PVS	Dầu khí	34,800	6,420,401	78	5	
DGW	Bán lẻ	40,300	2,516,750	100	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng SMG ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
STB	44.9	12,110,440	6	KHẢ QUAN	84,646	7.8	1.5	544
MBB	24.85	19,254,224	5	KHẢ QUAN	151,641	6.1	1.3	478
PVS	34.8	6,420,401	5	KHẢ QUAN	16,633	15.1	1.2	223
PVD	20.45	8,015,535	5	KHẢ QUAN	11,368	16.5	0.7	164
DPM	35.6	3,006,715	5	KHẢ QUAN	13,931	32.7	1.2	107
DDV	26.6	2,881,179	5	KHẢ QUAN	3,887	23.1	2.2	77
PVT	23.8	2,760,235	5	KHẢ QUAN	8,473	7.9	1.1	66
CSV	36.5	1,691,200	5	KHẢ QUAN	4,033	16.5	2.7	62
YEG	13.35	4,568,545	5	KHẢ QUAN	2,561	15.4	1.3	61
PLX	37.7	1,521,870	5	KHẢ QUAN	47,901	24.9	1.8	57
BSR	18.5	3,056,885	5	KHẢ QUAN	57,359	#N/A N/A	1.0	57
KSB	17.3	2,156,775	5	KHẢ QUAN	1,980	29.0	0.7	37
HPG	26.4	27,050,904	4	KHẢ QUAN	168,861	13.5	1.4	714
TCB	31.2	20,130,480	4	KHẢ QUAN	220,423	10.4	1.5	628
MSN	65.4	5,429,705	4	KHẢ QUAN	94,068	42.6	3.1	355
DBC	30.35	9,740,990	4	KHẢ QUAN	10,157	7.5	1.4	296
DGC	92.7	1,740,740	4	KHẢ QUAN	35,205	12.0	2.5	161
DGW	40.3	2,516,750	4	KHẢ QUAN	8,832	19.2	2.9	101
REE	67	908,620	4	KHẢ QUAN	36,292	17.1	1.9	61
CTI	23.7	2,331,340	4	KHẢ QUAN	1,299	11.9	1.0	55
ORS	9.05	5,452,830	4	KHẢ QUAN	3,041	9.5	0.8	49
CTG	39.9	6,794,400	3	TRUNG TÍNH	214,263	8.3	1.4	271
VCB	56.2	3,669,595	2	TRUNG TÍNH	469,589	13.8	2.3	206
DCM	34.1	3,236,125	2	TRUNG TÍNH	18,053	13.6	1.7	110
CTR	96.5	596,690	2	TRUNG TÍNH	11,038	20.3	5.5	58
GAS	64.4	885,260	2	TRUNG TÍNH	150,868	14.2	2.4	57
MWG	63.2	8,375,100	0	TRUNG TÍNH	93,469	21.2	3.2	529
VPB	18.15	26,929,696	0	TRUNG TÍNH	144,001	8.9	1.0	489
VNM	55.5	3,373,000	0	TRUNG TÍNH	115,993	14.8	3.4	187
ACB	21.05	8,812,270	0	TRUNG TÍNH	108,127	6.5	1.2	185

TPB	13.2	9,725,240	0	TRUNG TÍNH	34,874	5.5	0.9	128
VPI	52.3	2,180,770	0	TRUNG TÍNH	16,739	42.8	3.3	114
BID	35.55	3,056,190	0	TRUNG TÍNH	249,609	9.8	1.7	109
LPB	31.6	2,239,325	0	TRUNG TÍNH	94,398	9.5	2.1	71
MSR	18	2,292,889	0	TRUNG TÍNH	19,785	#N/A N/A	1.5	41
HDG	24.4	3,341,890	-1	TRUNG TÍNH	9,027	32.0	1.4	82
VOS	14.65	2,587,950	-1	TRUNG TÍNH	2,051	9.9	1.1	38
NVL	14.3	32,162,350	-2	TRUNG TÍNH	27,886	#N/A N/A	0.7	460
CEO	17.4	20,195,410	-2	TRUNG TÍNH	9,403	48.6	1.5	351
DXG	15.75	18,593,110	-2	TRUNG TÍNH	16,047	51.2	1.3	293
VCI	35.35	7,581,825	-2	TRUNG TÍNH	25,385	22.0	2.0	268
HDB	21.6	10,134,985	-2	TRUNG TÍNH	75,493	5.4	1.3	219
NLG	37.45	3,497,740	-2	TRUNG TÍNH	14,421	21.5	1.5	131
HHS	15.3	8,485,525	-2	TRUNG TÍNH	6,609	19.8	1.2	130
HAG	12.8	10,094,875	-2	TRUNG TÍNH	13,535	12.1	1.5	129
HSG	16.3	7,049,635	-2	TRUNG TÍNH	10,122	21.7	0.9	115
PNJ	78	1,084,235	-2	TRUNG TÍNH	26,357	13.2	2.2	85
FRT	171.1	381,565	-2	TRUNG TÍNH	23,311	52.2	11.2	65
BFC	43.9	1,174,450	-2	TRUNG TÍNH	2,510	7.2	1.9	52
ACV	92.4	534,191	-2	TRUNG TÍNH	201,150	#N/A N/A	#N/A N/A	49
SCR	7.3	6,256,325	-2	TRUNG TÍNH	3,143	#N/A N/A	0.6	46
SAB	49.1	779,940	-2	TRUNG TÍNH	62,974	15.4	2.6	38
CMG	35.05	1,061,010	-2	TRUNG TÍNH	7,406	23.6	2.5	37
CII	14.05	24,054,924	-3	TRUNG TÍNH	7,702	2,331.7	0.9	338
VRE	24.55	9,846,965	-3	TRUNG TÍNH	55,785	13.3	1.3	242
VCG	19.7	11,972,470	-3	TRUNG TÍNH	12,736	21.9	1.5	236
SHS	12.8	17,217,988	-3	TRUNG TÍNH	11,449	12.4	1.0	220
FPT	115.4	4,720,835	-4	TIÊU CỰC	170,945	20.5	5.3	545
VND	16.15	27,743,920	-4	TIÊU CỰC	24,585	15.7	1.2	448
DIG	16.75	17,647,370	-4	TIÊU CỰC	10,828	55.1	1.4	296
HAH	69.9	2,349,305	-4	TIÊU CỰC	9,080	11.0	2.4	164
VSC	16.4	9,582,200	-4	TIÊU CỰC	6,140	16.2	1.3	157
GMD	55.6	2,347,200	-4	TIÊU CỰC	23,363	18.1	1.8	131
HVN	38.1	3,220,695	-4	TIÊU CỰC	84,368	12.7	#N/A N/A	123
NKG	13	9,038,655	-4	TIÊU CỰC	5,818	12.5	0.8	118
CTD	80.2	1,215,605	-4	TIÊU CỰC	8,014	24.8	0.9	97
VIB	17.9	4,686,755	-4	TIÊU CỰC	53,326	7.6	1.2	84
IDC	40.3	1,888,423	-4	TIÊU CỰC	13,299	8.1	2.4	76
VJC	88	765,085	-4	TIÊU CỰC	47,662	31.6	2.7	67
NTL	17.25	3,734,850	-4	TIÊU CỰC	2,104	3.3	1.2	64
DPG	41.5	1,493,755	-4	TIÊU CỰC	4,183	17.7	2.1	62
PAN	26.8	1,554,200	-4	TIÊU CỰC	5,598	8.8	1.1	42
NTP	74.9	523,721	-4	TIÊU CỰC	10,676	12.7	2.9	39
SHB	12.9	69,032,696	-5	TIÊU CỰC	52,442	5.5	0.9	891
VIX	13	50,543,436	-5	TIÊU CỰC	18,961	20.4	1.2	657
VHM	68.4	7,916,650	-5	TIÊU CỰC	280,947	8.7	1.4	541
GEX	33.9	13,067,860	-5	TIÊU CỰC	30,591	17.3	2.1	443
VIC	85.5	4,923,735	-5	TIÊU CỰC	326,923	29.1	2.2	421

EIB	22.65	14,926,455	-5	TIÊU CỰC	42,191	12.2	1.6	338
EVF	10.15	17,996,164	-5	TIÊU CỰC	7,720	12.1	0.8	183
KBC	24.4	7,111,795	-5	TIÊU CỰC	18,730	14.5	1.0	174
TCH	19.05	8,883,540	-5	TIÊU CỰC	12,730	14.9	1.3	169
POW	12.8	11,077,440	-5	TIÊU CỰC	29,976	23.4	0.9	142
MBS	26.4	4,507,474	-5	TIÊU CỰC	15,121	17.4	2.1	119
HDC	24.5	4,676,485	-5	TIÊU CỰC	4,370	55.8	1.9	115
HHV	12.05	8,835,710	-5	TIÊU CỰC	5,709	10.9	0.5	106
SZC	32.5	2,273,240	-5	TIÊU CỰC	5,850	15.7	1.8	74
GEG	15.65	2,703,010	-5	TIÊU CỰC	5,608	14.3	1.3	42
VHC	53.7	1,141,775	-6	TIÊU CỰC	12,053	9.6	1.4	61
SSI	23.15	22,081,650	-7	TIÊU CỰC	45,649	15.2	1.6	511
HCM	25.2	10,229,460	-7	TIÊU CỰC	18,143	18.1	1.8	258
PDR	16.75	11,274,525	-7	TIÊU CỰC	15,196	95.9	1.1	189
FTS	35.55	3,806,775	-7	TIÊU CỰC	11,963	21.5	2.8	135
GVR	27.2	3,441,130	-7	TIÊU CỰC	108,800	23.2	2.0	94
KDH	29.25	2,847,775	-7	TIÊU CỰC	29,576	35.0	1.7	83
TCM	28.8	2,148,050	-7	TIÊU CỰC	3,227	11.9	1.4	62
PC1	21.9	2,443,955	-7	TIÊU CỰC	7,832	19.5	1.4	54
CTS	25.4	1,976,370	-7	TIÊU CỰC	5,402	23.4	2.4	50
BSI	40.05	1,120,650	-7	TIÊU CỰC	9,827	27.5	1.9	45

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Giá dầu tăng vọt hơn 12% sau khi Israel tấn công Iran

Thị trường dầu mỏ toàn cầu tăng vọt sau khi Israel phát động các cuộc không kích nhằm vào Iran.

Cụ thể, dầu thô WTI của Mỹ đã tăng 8.26 USD, tương đương 12.36%, lên mức 76.30 USD/thùng. Trong khi đó, dầu thô Brent cũng tăng vọt 8.57 USD, tương đương 12.36%, đạt 77.93 USD/thùng.

Nguyên nhân của đợt tăng giá này xuất phát từ việc Israel phát động đợt tấn công phủ đầu Iran.

"Chúng tôi tung đòn vào đầu não của chương trình vũ khí hạt nhân của Iran, nhằm vào cơ sở làm giàu uranium chính ở Natanz và các chuyên gia đang tham gia chế tạo bom hạt nhân", Thủ tướng Benjamin Netanyahu cho biết. "Chúng tôi còn tấn công vào trái tim của chương trình tên lửa đạn đạo Iran".

"Chiến dịch này sẽ tiếp tục trong bao nhiêu ngày cần thiết để loại bỏ mối đe dọa này", Netanyahu tuyên bố một cách quyết đoán.

Điều đáng chú ý là phía Mỹ khẳng định không tham gia và không hỗ trợ các cuộc không kích của Tel Aviv. Ngoại trưởng Mỹ Marco Rubio đã làm rõ rằng Israel đã thực hiện "hành động đơn phương chống Iran" mà không có sự hỗ trợ từ Washington.

Nguồn: vietstock.vn

Phát hành trái phiếu tháng 5 tăng, trái phiếu doanh nghiệp bất động sản vẫn chậm trả

Tổng giá trị phát hành mới đạt 66.000 tỷ đồng trong tháng 5/2025 (+35% so với tháng trước - MoM), trong đó tất cả đều là trái phiếu riêng lẻ. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2025, tổng lượng phát hành mới đạt 137.000 tỷ đồng (+79% so với cùng kỳ năm trước - svck) đóng góp chủ yếu từ các ngân hàng thương mại phát hành mới 100 nghìn tỷ đồng (+193% svck). Trái phiếu thường chiếm 63% tổng giá trị phát hành mới của ngân hàng, có kỳ hạn từ 2-3 năm và lãi suất coupon kỳ đầu tiên từ 5,1% đến 6,0%/năm. Đồng thời, đa phần các trái phiếu ngân hàng thứ cấp mới có kỳ hạn từ 7-8 năm và lãi suất khởi điểm từ 5,68% đến 8,2%/năm.

Trong 6 tháng cuối năm 2025, có 474 trái phiếu với tổng dư nợ 150.000 tỷ đồng trái phiếu sẽ đáo hạn, trong đó 148 trái phiếu (tổng dư nợ 25.8000 tỷ đồng) đang ở tình trạng chậm trả. Khối bất động sản chiếm một nửa trong tổng giá trị đáo hạn. Trong đó, VIS Rating đánh giá có 26 trái phiếu sắp đáo hạn (dư nợ 19.000 tỷ đồng) phát hành bởi 15 công ty bất động sản có nguy cơ chậm trả lần đầu.

Nguồn: vietstock.vn

HAH: Vận tải và Xếp dỡ Hải An đặt mục tiêu doanh thu 4.556 tỷ đồng trong năm 2025

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (MCK: HAH, sàn HoSE) vừa công bố tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2025 (cập nhật đến ngày 12/6/2025).

Trong năm 2024, công ty đã tiếp nhận thành công và đưa vào sử dụng 4 tàu container, trong đó 3 tàu đóng mới loại 1.800 TEU (HA Beta, AB Sky, HA Opus) và 1 tàu secondhand loại 3.500 TEU (HA Gama) giúp nâng năng lực vận tải đội tàu Hải An lên 26.500 TEU.

Cùng với đó, cVận tải và Xếp dỡ Hải An đã huy động vốn cho các tàu trên từ nguồn vay ngân hàng và phát hành thành công 500 trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ với tổng giá trị 500 tỷ đồng, thời hạn 5 năm cho 4 nhà đầu tư lớn trong nước và nước ngoài.

Về kế hoạch đầu tư, Ban điều hành đề xuất đóng mới 4 tàu container loại 3.000 TEU đến 4.500 TEU; tìm mua từ 2 đến 3 tàu cũ thích hợp khi có cơ hội để đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng cũng như đáp ứng kế hoạch phát triển đội tàu; tổ chức nghiên cứu, xây dựng Dự án đóng các tàu loại từ 7.000 đến 9.000 TEU.

Nguồn: cafef.vn

PVT: PVTrans sắp tăng vốn thêm 32%

Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVTrans - Mã: PVT) mới thông báo sẽ triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2024, từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại cuối 2024. Ngày đăng ký cuối cùng là 20/6.

Tỷ lệ thực hiện quyền là 32%, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu có thể nhận thêm 32 cổ phiếu mới. Với hơn 356 triệu cổ phiếu đang lưu hành, tổng công ty sẽ phát hành thêm gần 114 triệu đơn vị.

Quyết định này đã được cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào giữa tháng 4. Động thái này sẽ giúp PVTrans tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên xấp xỉ 4.700 tỷ đồng.

Nguồn: vietnambiz.vn

VNZ: Muốn đổi tên thành Tập đoàn VNG, mục tiêu doanh thu 10.8 ngàn tỷ

Theo tài liệu ĐHĐCĐ 2025, CTCP VNG (UPCoM: VNZ) đặt kế hoạch tiếp tục nâng doanh thu và giảm lỗ so với năm trước. Bên cạnh đó, Doanh nghiệp dự trình kế hoạch đổi tên Công ty thành Tập đoàn VNG. Tuy nhiên, lý do đổi tên chưa được VNZ nêu rõ.

Với các chỉ tiêu tài chính, VNZ đặt mục tiêu doanh thu 2025 khoảng 10.8 ngàn tỷ đồng, tăng 16% so với năm trước; lỗ ròng giảm còn 561 tỷ đồng so với khoản lỗ gần 1.1 ngàn tỷ năm 2024.

Tại quý 1/2025, VNZ lỗ ròng hơn 4.8 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi 13.7 tỷ đồng. Doanh thu hơn 2.23 ngàn tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ, thực hiện khoảng 21% kế hoạch năm.

Nguồn: vietstock.vn

TNG: Tiếp cận gói tín dụng 1,200 tỷ từ BIDV giữa lúc mở rộng quy mô sản xuất

Động thái huy động vốn quy mô lớn từ BIDV diễn ra khi TNG đẩy mạnh kế hoạch mở rộng sản xuất, tuyển dụng 1,000 lao động mới và đón đầu các đơn hàng xuất khẩu đã kín lịch tới quý 4/2025.

HĐQT CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) vừa phê duyệt chủ trương vay tối đa 1,200 tỷ đồng từ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và tài trợ thương mại trong năm 2025.

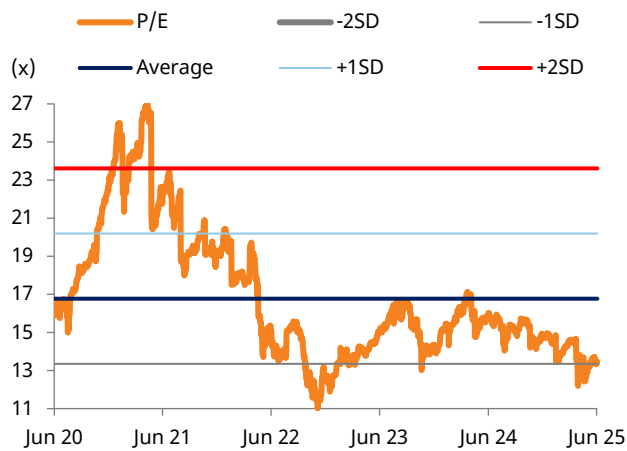
Khoản vay sẽ được giải ngân bằng VND, USD hoặc các ngoại tệ khác và được sử dụng linh hoạt cho nhiều mục đích như bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu chứng từ, thế tín dụng doanh nghiệp. Tài sản đảm bảo có thể là tài sản của TNG hoặc của bên thứ ba đủ điều kiện theo quy định của BIDV.

Quyết định vay vốn diễn ra trong bối cảnh TNG đẩy mạnh mở rộng quy mô sản xuất. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2025, Công ty đặt mục tiêu doanh thu đạt 8,100 tỷ đồng và lãi ròng 340 tỷ đồng, tăng lần lượt 5% và 8% so với năm trước. Các đơn hàng xuất khẩu đã kín lịch sản xuất đến quý 4/2025, trong đó thị trường châu Âu chiếm 50%, Mỹ 26% và Nga 10%. Doanh nghiệp dự kiến mở thêm 10 chuyên may, tuyển mới 1,000 lao động và ưu tiên đơn hàng kỹ thuật cao để cải thiện biên lợi nhuận.

Nguồn: vietstock.vn

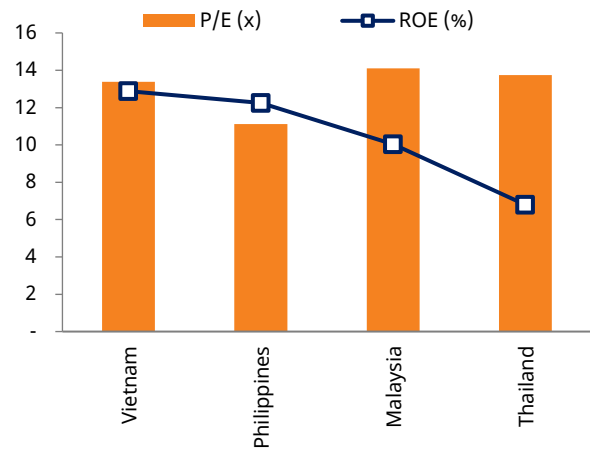
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



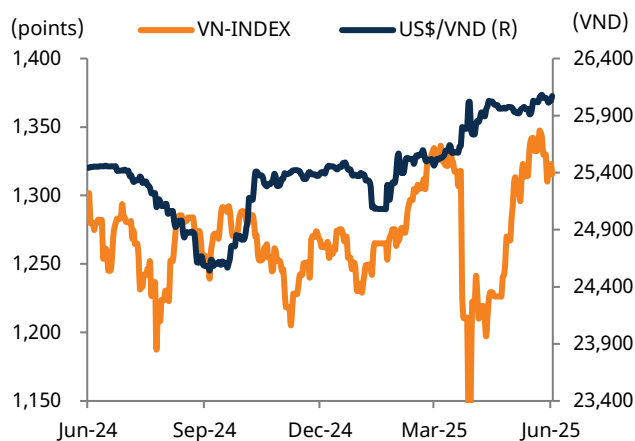
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



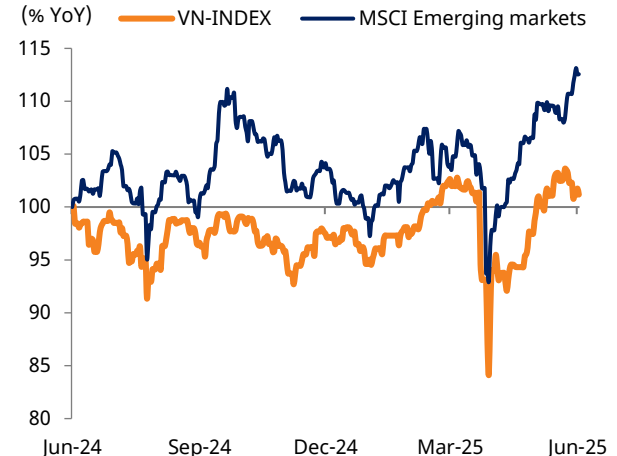
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



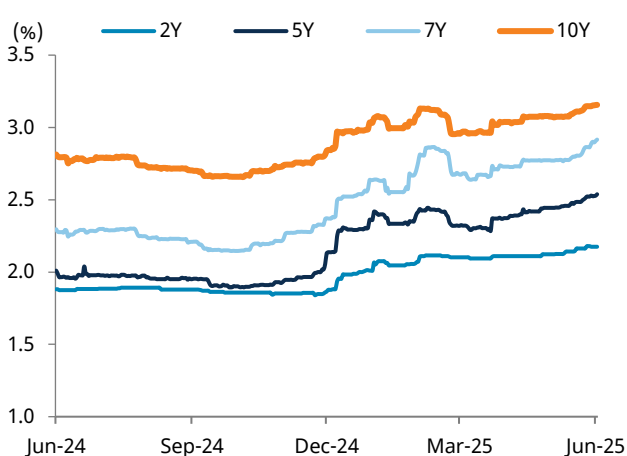
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



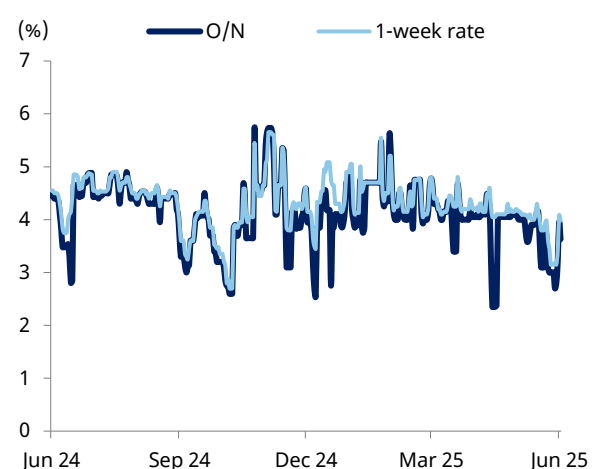
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VNDbn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM) ¹			Sở hữu	Cổ tức			
			Đóng cửa	52Wcao	52Wthấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE(%)	Khối ngoại	EXdate	DPS ²	12T ³	FY24 ⁴
VN-Index		5,687,275	1,315.49	1,351.14	1,073.61	-0.6	-1.1	1.7	1.1	13.4	1.6	12.9					
VN30 Index		3,883,640	1,401.20	1,442.87	1,133.90	-0.8	-1.3	1.3	5.0	10.7	1.6	15.9					
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	108,127	21,050	23,304	18,043	0.0	0.2	-1.6	-2.4	6.5	1.2	20.5	26.0	5/23/2025	870	4	5
Bao Viet Holdings	BVH VN	36,597	49,300	59,700	39,100	-1.0	-0.4	0.4	7.8	16.7	1.6	9.7	27.2	11/19/2024	N/A	2	2
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	61,583	59,500	82,400	49,800	0.5	-2.3	-3.7	-7.6	25.4	3.1	12.6	2.0	11/4/2024	N/A	2	N/A
BIDV	BID VN	249,609	35,550	42,727	31,200	0.7	0.9	-0.7	-11.0	9.8	1.7	18.3	17.6	12/23/2021	0	N/A	1
FPT Corp	FPT VN	170,945	115,400	156,000	97,800	-1.4	0.3	-3.4	-11.2	20.5	5.3	28.0	41.0	6/12/2025	2,000	2	2
HDBank	HDB VN	75,493	21,600	26,650	18,000	-0.7	-0.9	-0.9	7.6	5.4	1.3	26.1	16.7	7/12/2024	N/A	4	5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	168,861	26,400	29,950	21,300	-1.5	1.3	2.3	-10.5	13.5	1.4	11.2	21.8	6/17/2022	N/A	N/A	1
Masan Group Corp	MSN VN	94,068	65,400	82,300	50,300	-0.6	0.6	5.3	-16.8	42.6	3.1	8.0	26.0	7/4/2022	N/A	N/A	1
MBBank	MBB VN	151,641	24,850	25,550	19,261	0.6	2.9	1.4	21.3	6.1	1.3	22.9	23.2	5/23/2024	261	2	1
Mobile World Investment Corp	MWG VN	93,469	63,200	70,800	45,750	-0.5	4.5	-0.5	-1.3	21.2	3.2	16.0	47.8	6/28/2024	1,000	1	1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	150,868	64,400	84,412	50,800	2.5	2.2	3.9	-18.1	14.2	2.4	16.4	1.8	9/13/2024	2,100	9	4
PetroVietnam Power Corp	LPB VN	94,398	31,600	38,300	22,346	-0.2	1.3	-9.1	38.8	9.5	2.1	24.2	0.8	5/19/2025	2,500	8	8
Sacombank	STB VN	84,646	44,900	45,750	27,000	-0.2	7.5	12.0	41.9	7.8	1.5	20.6	20.4	11/29/2013	0	N/A	N/A
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	62,974	49,100	67,300	41,500	-0.7	0.1	-0.3	-25.2	15.4	2.6	16.8	59.0	6/30/2025	N/A	8	8
SeABank	SSB VN	51,068	17,950	21,128	15,050	-1.1	-1.4	-4.0	-6.0	7.3	1.3	19.8	0.1	N/A	N/A	N/A	N/A
SH Bank	SHB VN	52,442	12,900	14,150	9,054	-3.0	-5.8	-1.5	19.3	5.5	0.9	16.8	3.1	6/9/2025	N/A	7	N/A
SSI Securities Corp	SSI VN	45,649	23,150	29,932	20,600	-2.1	-1.9	-1.1	-21.2	15.2	1.6	11.3	N/A	9/23/2024	N/A	3	4
Techcombank	TCB VN	220,423	31,200	31,900	20,750	0.8	3.0	6.1	26.3	10.4	1.5	14.8	22.5	N/A	N/A	2	3
Tien Phong Bank	TPB VN	34,874	13,200	18,100	11,100	-0.8	0.8	-2.9	-16.6	5.5	0.9	17.1	22.9	5/13/2025	N/A	8	8
Vietcombank	VCB VN	469,589	56,200	68,600	52,000	0.4	0.2	-1.1	-5.0	13.8	2.3	17.9	22.1	12/22/2021	0	N/A	N/A
VietinBank	CTG VN	214,263	39,900	43,300	29,950	3.6	4.5	1.3	17.7	8.3	1.4	18.3	27.0	12/14/2021	N/A	N/A	0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	47,662	88,000	109,500	77,100	-1.0	-2.2	-2.8	-17.0	31.6	2.7	8.9	12.1	4/23/2019	N/A	N/A	N/A
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	115,993	55,500	76,200	51,400	-0.7	0.4	-5.1	-17.0	14.8	3.4	23.9	48.4	5/14/2025	3,850	9	7
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	53,326	17,900	21,400	16,300	-0.6	0.3	-0.8	-8.5	7.6	1.2	17.4	5.0	4/22/2025	N/A	4	5
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	47,901	37,700	51,700	30,950	7.0	0.8	6.0	-10.7	24.9	1.8	7.3	17.5	6/10/2025	N/A	3	4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	108,800	27,200	39,000	21,700	-4.7	-4.1	-5.1	-23.1	23.2	2.0	8.9	0.9	11/14/2024	N/A	1	N/A
Vincom Retail JSC	VRE VN	55,785	24,550	27,700	16,100	-2.6	-7.4	-3.3	13.1	13.3	1.3	10.2	18.7	5/17/2019	N/A	N/A	N/A
Vingroup JSC	VIC VN	326,923	85,500	99,800	39,700	-1.5	-11.9	7.4	97.9	29.1	2.2	8.0	7.8	8/6/2014	N/A	N/A	N/A
Vinhomes JSC	VHM VN	280,947	68,400	78,300	34,000	-2.3	-10.0	10.3	78.8	8.7	1.4	17.8	10.7	5/31/2024	N/A	N/A	0
VPBank	VPB VN	144,001	18,150	21,050	15,150	-0.3	2.0	2.5	-6.7	8.9	1.0	11.3	24.4	5/15/2025	N/A	3	3

Nguồn: MiraeAssetResearch, Bloomberg

Ghi chú: ¹Các chỉ tiêu dự báo theo Bloomberg; ²DPS: Tỷ lệ chi trả cổ tức; ³Tỷ suất cổ tức, tính theo giá trị chi trả trong 12 tháng gần nhất và giá trị thị trường của cổ phiếu; ⁴Ước tính tỷ suất cổ tức của năm tài chính hiện tại

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.